TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **295/**2021/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 23 tháng 9 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 207/2020/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê H, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ngõ 217 đường C, tổ 02, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ H1, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Công ty Luật hợp danh T - Phòng 302, 142 D, K, Đ, Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Nguyễn T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ngõ 217 đường C, tổ 02, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Đặng T1, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Tòa N3B đường L, Phường N, quận T, thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn H2, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ngõ 217 đường C, tổ 02, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê H và anh Nguyễn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Đ, sinh ngày 03/7/2015 cho anh Nguyễn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị Lê H không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do anh T không yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất thoả thuận anh Nguyễn T được quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 681, tờ bản đồ số 51, địa chỉ thửa đất: Tổ 02, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 889440 mang tên ông Nguyễn T và bà Lê H do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 04/01/2019; giá trị tài sản là 870.227.200 đồng *(Tám trăm bảy mươi triệu hai trăm hai bảy nghìn hai trăm đồng).*

Anh Nguyễn T có nghĩa vụ thanh toán cho chị Lê H số tiền chênh lệch chia tài sản là 350.000.000 đồng *(Ba trăm năm mươi triệu đồng).*

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Về vay nợ chung: Chị Lê H và anh Nguyễn T xác định không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chi phí thẩm định và định giá tài sản:

Chị Lê H và anh Nguyễn T thoả thuận: Chị Hường tự nguyện chịu số tiền 2.405.000 đồng *(Hai triệu bốn trăm linh năm nghìn đồng)*, chị Hường đã nộp đủ. Anh Tuấn tự nguyện chịu số tiền 2.405.000 đồng *(Hai triệu bốn trăm linh năm nghìn đồng)* và có nghĩa vụ hoàn trả khoản tiền này cho chị Hường.

- Về án phí: Chị Lê H tự nguyện nộp 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và phải chịu 8.750.000 đồng *(Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự có giá ngạch (đối với yêu cầu chia tài sản chung). Tổng cộng là 8.900.000 đồng *(Tám triệu chín trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.800.000 đồng *(Bảy triệu tám trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000517 ngày 23/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chị H còn phải nộp số tiền án phí là 1.100.000 đồng *(Một triệu một trăm nghìn đồng).*

Anh Nguyễn T phải chịu 13.006.000 đồng *(Mười ba triệu không trăm linh sáu nghìn đồng)* án phí dân sự có giá ngạch (đối với yêu cầu chia tài sản chung).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hương Giang

Nơi nhận
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- CC THADS TP TQ (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường Y (để biết);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.